

Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Vương Văn V và con bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 27/9/2001, bị Công an phường G, quận B2, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Tháng 7/2002, bị Công an phường O, quận Đ1, Thành phố Hà Nội bắt, hoà giải về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 29/01/2003, bị Công an phường G, quận B2, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngày 19/3/2009, bị Công an phường P2, quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Ngày 24/4/2009, bị Công an phường G, quận B2, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Có lời nói thô tục, đe dọa người khác”.

Ngày 04/8/2010, bị Công an huyện B3, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/03/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Quốc Đ2, sinh năm 1981 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: số 19, ngõ 8, phường K, quận B2, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Trần Thượng Tiến và con bà Vũ Thị H; có vợ tên là Cao Tuyết L (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Năm 2008, bị Công an phường K1, quận Đ1, Thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngày 17/01/2008, bị Toà án nhân dân quận Đ1, Thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù giam về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/03/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Nam; nơi ĐKHKTT: TDP Q, phường L1, thành phố P4, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: thôn C1, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th và con bà Nguyễn Thị H; có vợ tên là Đặng Thị Hoàng V; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Minh V1, sinh năm 1984 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: xóm N, xã U, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Duy V và con bà Hoàng Thị L; có vợ tên là Hoàng Thị L và có 02 con; con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Bá D, sinh năm 1998 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKHKTT: thôn 2, thị trấn P5, huyện C2, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Bá H và con bà Nguyễn Thị Kim D; có vợ tên là Lê Thị Ngọc O và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 22/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Lê Văn T1, sinh năm 1985 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: số 13, ngõ 4, thôn Đ3, xã T2, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn T và con bà Lê Thị H; có vợ tên là Nguyễn Thị Hải Y và có 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: không.

Tiền án:

Ngày 05/02/2007, bị Toà án nhân dân huyện Đ xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 19/10/2010, bị Toà án nhân dân huyện B3 xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”.

Nhân thân:

Tháng 4/2002, bị Công an xã T2, huyện Đ xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngày 04/8/2010, bị Công an huyện B3 xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, vắng mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lê Bình M, sinh năm 1993 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: tổ 46, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nhân viên Công ty

TNHH NT; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Hồng V và con bà Nguyễn Thị H; có vợ tên là Chử Hương G và có 01 con sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Đặng Bá T3, sinh năm 1993 tại Thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT: xóm H2, xã U, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Bá Đ và con bà Nguyễn Thị S; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, vắng mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Đặng Minh H3, sinh năm 1996 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKHKTT: thôn 2, thị trấn P5, huyện C2, tỉnh Gia Lai; nơi đã cư trú: 863A đường H4, thị trấn C3, huyện C3, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: nhân viên Công ty TNHH NT; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn D1 và con bà Nguyễn Thị Kim Ph; tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, vắng mặt tại phiên tòa.

(vụ án còn có một số bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Gia Lai đã bắt quả tang và khám xét khẩn cấp tại các địa điểm số 95 Đường L, thành phố P1, tỉnh Gia Lai và số 368A đường P6, thành phố P1, tỉnh Gia Lai; số 863A đường H4, thị trấn C3, huyện C3, tỉnh Gia Lai của Công ty NT về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình khám xét, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đã thu và tạm giữ 277.356.000 đồng và 374 bộ hồ sơ cho vay thế chấp các loại giấy tờ xe máy, xe ô tô cùng nhiều tài liệu, sổ sách, dữ liệu điện tử (file Excel), máy vi tính ghi nhận hoạt động cho vay tiền của Công ty NT. Bắt quả tang và tạm giữ 07 đối tượng gồm: Lê Văn T1, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2 (là nhân viên Công ty NT tại địa điểm số 95 Đường L, thành phố P1); Đặng Bá T3, Vũ Xuân T4, Nguyễn Bá D (là nhân viên Công ty NT tại chi nhánh 368A đường P6, thành phố P1); Nguyễn

Đức Q (là nhân viên Công ty NT tại chi nhánh 836A Đường H4, thị trấn C3, huyện C3).

Qua điều tra xác định: Đặng Thế B muốn đầu tư thành lập Công ty tại Gia Lai, nhưng do không có hộ khẩu tại Gia Lai nên nhờ Lê Văn Ph (sinh ngày 21/9/1978; HKTT: 96 đường P5, làng K, phường Đ1, thành phố P1, tỉnh Gia Lai) đứng tên thành lập Công ty TNHH MTV NT (Công ty NT) MST: 5901077173, địa chỉ cơ sở chính tại 95 Đường L, phường P, thành phố P1, tỉnh Gia Lai và được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 14/12/2017 với nghề kinh doanh chính là bán mô tô, xe máy và đăng ký các ngành nghề khác là: bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê xe ô tô, cho thuê xe máy; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Sau khi được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, Lê Văn Ph làm ủy quyền điều hành Công ty NT cho Đặng Thế B là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 13/6/2018, B đăng ký mở thêm địa điểm kinh doanh tại 368A đường P6, phường Đ1, thành phố P1, Gia Lai, (nhưng thực tế đã hoạt động từ ngày 05/4/2018). Ngày 10/7/2018, B đăng ký mở thêm địa điểm kinh doanh tại 863A đường H4, thị trấn C3, huyện C3, Gia Lai (nhưng thực tế đã hoạt động từ ngày 06/7/2018). Tại 03 địa điểm nói trên của Công ty NT thực chất không hoạt động mua bán mô tô, xe máy và cho thuê xe như đã đăng ký kinh doanh mà là cơ sở cho vay tiền với mức lãi suất cao như 108%/năm, 126%/năm và 144%/năm. Hình thức như sau: khi người vay có nhu cầu vay tiền tại Công ty thì phải mang xe máy hoặc xe ô tô đến trực tiếp tại 03 địa điểm kinh doanh nói trên của Công ty và cung cấp cho nhân viên của Công ty giấy Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy đăng ký khai sinh và Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy hoặc xe ô tô (bản gốc) để nhân viên Công ty kiểm tra, xác minh. Kiểm tra xác minh xong thì nhân viên Công ty đưa cho người vay bản Hợp đồng bán xe (theo mẫu in sẵn) để người vay điền thông tin và số tiền cần vay, sau đó ký Hợp đồng thuê xe (theo mẫu in sẵn) cho chính chủ xe thuê lại chiếc xe đó. Người vay nhận số tiền vay khi đã trừ đi số tiền đóng lãi trước 01 kỳ là 10 ngày. Đến hết thời hạn 10 ngày, người vay phải đóng lãi 10 ngày tiếp theo hoặc thanh lý Hợp đồng. Khi thanh lý Hợp đồng thì các nhân viên Công ty NT xé bỏ Hợp đồng mua bán và Hợp đồng cho thuê xe đã ký trước đó. Ngoài ra, tại chi nhánh 95 Đường L và 368A đường P6, thành phố P1, tỉnh Gia Lai, Đặng Thế B còn có hình thức cho vay trả góp với mức lãi suất bình quân là 3.333đồng/1.000.000đồng/1 ngày, người vay trả góp hàng ngày hoặc 05 ngày, 10 ngày một lần.

Tại Công ty NT (địa chỉ 95 Đường L, thành phố P1), Đặng Thế B thuê nhân viên gồm: Nguyễn Minh V1, Lê Văn T1, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1 để tổ chức thực hiện hoạt động cho vay. B giao cho Nguyễn Minh V1 làm quản lý hoạt động cho vay tại Công ty NT từ ngày 12/12/2017 cho đến hết tháng 8/2018 thì giao lại cho Lê Văn T1 quản lý.

Tại chi nhánh 368A đường P6, thành phố P1, Đặng Thế B nhờ Lê Bình M, Đỗ Văn Ch giúp sức và thuê nhân viên gồm: Đặng Bá T3, Vũ Xuân T4, Nguyễn Bá D để tổ chức thực hiện hoạt động cho vay, tại chi nhánh này B giao cho Đặng Bá T3 quản lý.

Tại chi nhánh 863 Đường H4, thị trấn C3, huyện C3, Đặng Thế B thuê nhân viên gồm: Nguyễn Đức Q, Đặng Minh H3, Nguyễn Phú Q1, và Trần Hữu N1 để tổ chức thực hiện hoạt động cho vay. Tại chi nhánh này B giao cho Nguyễn Đức Q quản lý.

Hàng ngày nhân viên tại các cửa hàng nói trên phải ghi chép theo dõi vào sổ sách, nhập thông tin vào phần mềm quản lý rồi báo cáo cho B qua các địa chỉ mail nguyenquynhon@gmail.com, bactrungnam@gmail.com hoặc quynhon20172018@Gmail.com.

Qua điều tra xác định: trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/12/2018, Công ty NT (cả 03 địa điểm) đã thực hiện cho vay thế chấp tổng cộng 1.476 lần và cho vay trả góp tổng cộng 244 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính (thu lãi trên mức 20%/năm trở lên) mà Công ty NT đã thu là 3.929.305.000đ (ba tỷ chín trăm hai chín triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng), cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/12/2018, tại Công ty NT địa chỉ 95 Đường L, thành phố P1, Gia Lai đã thực hiện cho vay thế chấp tổng cộng 728 lần. Trong đó có: 01 lần cho vay với lãi suất 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 72%/năm; 57 lần cho vay với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 108%/năm; 30 lần cho vay với lãi suất 3.500đồng/1.000.000đồng/ngày = 126%/năm; 640 lần cho vay với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 144%/năm. Thực hiện cho vay trả góp với lãi suất 120%/năm là 244 lần. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.545.683.000đ (hai tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Trong đó: số tiền thu lợi bất chính từ cho vay thế chấp là 2.148.516.000đ (hai tỷ một trăm bốn tám triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng); số tiền thu lợi bất chính từ cho vay trả góp là 397.167.000đ (ba trăm chín bảy triệu một trăm sáu bảy nghìn đồng), (có bảng kê kèm theo).

Tại chi nhánh Công ty NT địa chỉ 368A đường P6, thành phố P1, tỉnh Gia Lai đã thực hiện hoạt động cho vay kể từ ngày 05/4/2018 cho đến ngày 13/12/2018 với tổng cộng 477 lần cho vay thế chấp. Trong đó có: 18 lần cho vay với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 108%/năm; 26 lần cho vay với lãi suất 3.500đồng/1.000.000đồng/ngày = 126%/năm; 433 lần cho vay với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 144%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 942.024.000đ (chín trăm bốn hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng), (có bảng kê kèm theo).

Tại Cửa hàng 863A đường H4, thị trấn C3, huyện C3 đã thực hiện hoạt động cho vay kể từ ngày 06/7/2018 cho đến ngày 13/12/2018 với tổng cộng 270 lần cho

vay thế chấp. Trong đó có: 04 lần cho vay với lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 108%/năm; 04 lần cho vay với lãi suất 3.500đồng/1.000.000đồng/ngày = 126%/năm; 262 lần cho vay với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày = 144%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 441.598.000đ (bốn trăm bốn một triệu năm trăm chín tám nghìn đồng) - (có bảng kê kèm theo).

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: từ ngày 12/12/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty NT còn có 41 lần cho vay thế chấp với lãi suất 108% đến 144%/năm và 09 lần cho vay trả góp với lãi suất 120%/năm khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực. Theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử lý thì hành vi của các bị cáo tại thời điểm đó không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý các lần cho vay xảy ra trước ngày 01/01/2018.

Quá trình điều tra: bị cáo Đặng Thế B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Văn T1, Trần Quốc Đ2, Vương Quốc T, Nguyễn Thanh H1, Đặng Bá T3, Vũ Xuân T4, Nguyễn Bá D, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Phú Q1, Đặng Minh H3, Lê Bình M, Trần Hữu N1 và Đỗ Văn Ch đều thừa nhận là người làm việc cho Công ty NT. Công ty không hoạt động kinh doanh như Giấy phép đăng ký mà hoạt động thực tế cho vay tiền, cụ thể: cho vay thế chấp với các mức lãi suất 3000đồng, 3.500đồng hoặc 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương đương với lãi suất 108%/năm, 126%/năm, 144%/năm; cho vay trả góp với mức lãi suất bình quân là 3.333đồng/1.000.000đồng/ngày tương đương 120%/năm. Các chi nhánh Công ty NT tại tỉnh Gia Lai đều do Đặng Thế B bỏ vốn đầu tư, thuê mặt bằng và thuê nhân viên để hoạt động cho vay nhưng không xác định được số tiền gốc ban đầu để cho vay là bao nhiêu. Mục đích các bị cáo đưa cho người vay bản Hợp đồng bán xe (theo mẫu in sẵn) để người vay điền thông tin và ký Hợp đồng thuê xe (theo mẫu in sẵn của Công ty) cũng như việc thu tiền lãi nhưng ghi nhận bằng Giấy thuê xe là nhằm che dấu hành vi cho vay lãi nặng, tránh sự kiểm tra phát hiện của cơ quan chức năng.

Đối với Trần Hữu N1 và Đỗ Văn Ch sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định truy nã. Ngày 28/4/2021, Cơ quan CSĐT Bộ Công an bắt được Trần Hữu N1 và ngày 01/8/2021, Đỗ Văn Ch ra đầu thú.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh V1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Lê Bình M, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật và hình phạt áp dụng:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Thế B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2.3. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019.

2.4. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2.5 Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 22/12/2018.

Xử phạt bị cáo Đặng Bá T3 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019.

Xử phạt bị cáo Vương Quốc T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 11/3/2019.

Xử phạt bị cáo Lê Bình M 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Minh H3 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Vũ Xuân T4, Nguyễn Đức Q, Nguyễn Phú Q1, Trần Hữu N1, Đỗ Văn Ch; về biện pháp tư pháp, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh V1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Lê Bình M, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 vắng mặt nhưng gửi đơn rút kháng cáo; các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

- Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh V1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Lê Bình M, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 vắng mặt nhưng gửi đơn rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội và mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M là thoả đáng, không nặng. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M tranh tụng: Bị cáo Vương cho rằng gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ông nội là người có công, bản thân bị cáo phải nuôi con nhỏ; bị cáo Minh cho rằng gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố là người có công và cả hai bị cáo đều xin cho hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh V1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Lê Bình M, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, kháng cáo nêu trên của các bị cáo là trong hạn luật định. Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 vắng mặt nhưng có gửi đơn rút kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/12/2022 đối với các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M:

[2.1]. Hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo có kháng cáo và các bị cáo không kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị trình bày lời nhận tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Đặng Thế B muốn đầu tư thành lập Công ty tại Gia Lai, nhưng không có hộ khẩu tại tỉnh Gia Lai nên nhờ Lê Văn Ph, sinh ngày 21/9/1978 có hộ khẩu thường trú tại thành phố P1, tỉnh Gia Lai để đứng tên thành lập Công ty TNHH MTV NT, có MST: 5901077173, địa chỉ cơ sở chính tại 95 Đường L, phường P, thành phố P1, tỉnh Gia Lai và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 14/12/2017 với nghề kinh doanh chính là bán ô tô, xe máy và đăng ký các ngành nghề khác như bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê xe ô tô, xe máy; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Sau đó Lê Văn Ph làm ủy quyền cho Đặng Thế B là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật điều hành Công ty NT. Ngày 13/6/2018 và ngày 10/7/2018 Đặng Thế B đăng ký mở thêm địa điểm kinh doanh tại 368A đường P6, phường Đ1, thành phố P1, Gia Lai, (nhưng thực tế đã hoạt động từ ngày 05/4/2018) và tại 863A đường H4, thị trấn C3, C3, Gia Lai (nhưng thực tế đã hoạt động từ ngày 06/7/2018). Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/12/2018, tại 03 địa điểm kinh doanh của Công ty NT Đặng Thế B cùng Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Minh V1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Lê Bình M, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 và các bị cáo khác đã không thực hiện kinh doanh đúng như Giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, mà cho vay tiền với mức lãi suất cao 108%/năm, 126%/năm và 144%/năm là gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định

của Bộ luật Dân sự. Cụ thể, cho 1.790 lượt người vay thế chấp và trả góp. Tổng số tiền lãi theo quy định 20%/năm là 396.596.000đ và tổng số tiền lãi thu vượt trên 20% là 3.929.391.000đ. Trong đó, cửa hàng số 95 Đường L, thành phố P1 thu số tiền lãi thu vượt trên 20% là 2.545.682.000đ; cửa hàng số 368A đường P6, thành phố P1 thu số tiền lãi thu vượt trên 20% là 942.023.000đ; cửa hàng số 863 Đường H4, thành phố P1 thu số tiền lãi thu vượt trên 20% là 441.686.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Trong số các bị cáo giúp sức cho Đặng Thế B thu tiền tại 03 cửa hàng thì bị cáo Nguyễn Minh V1 giúp thu lợi bất chính là 2.125.170.000đ và bị cáo Lê Bình M giúp thu lợi bất chính là 721.908.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định, đánh giá về vai trò thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo theo quy định của pháp luật, từ đó xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V1 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Bình M 04 (bốn) tháng tù là có căn cứ, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3 và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26/12/2022 đối với các bị cáo Đặng Thế B, Vương Quốc T, Trần Quốc Đ2, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Bá D, Lê Văn T1, Đặng Bá T3, Đặng Minh H3.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V1, Lê Bình M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V1 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

2.2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Bình M 04 (bốn) tháng tù, về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Nguyễn Minh V1, Lê Bình M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSYVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường